

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 25-5-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Cơ;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị Huyền T, sinh năm 2000 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp B T, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 6, xã M Q Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1999 - Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B T, xã P B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Tô Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B T (nay là xã P B). Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh H tại ấp B T, xã B T (nay là xã P B). Từ khi chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do anh H không lo làm ăn, chăm sóc gia đình mà thường xuyên cờ bạc, uống rượu dẫn đến nợ nần, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 3-2021, chị chuyển về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp 6, xã M Q Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân chị và anh H không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 một con chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019, hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày:

Lời trình bày của anh H và chị T về thời gian chung sống, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H trình bày là do anh có uống rượu và ghen tuông nên vợ chồng cãi nhau, anh không có chơi cờ bạc gây nợ như chị T trình bày. Từ khi ly thân anh có năn nỉ chị T xin đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 một con chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019, hiện đang theo sống với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân H, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tô Thị Huyền T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019 cho chị Tô Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Nguyễn Tấn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngân H số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tô Thị Huyền T và bị đơn anh Nguyễn Tấn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T (nay là xã P B) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng cả chị T và anh H đều xin vắng mặt, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019, hiện đang theo sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân H và anh H cũng đồng ý giao cháu Ngân H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Ngân H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngân H số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh H phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Huyền T về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tấn H.

Chị Tô Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019 cho chị Tô Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngân H, sinh ngày 13-01-2019 số tiền 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Ngân H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Tô Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015354 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Báo cho chị T, anh H biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã P B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc

